CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cán thép Thái Trung

Ngày 31/12/2025	4,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**4.7%**

DT thuần
Q4/25
1,394
tỷ VNĐ
QoQ: ▼53.0| -3.6%
YoY: ▼88.0| -5.9%

LN thuần
Q4/25
0.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.57| 209%
YoY: ▲ 2.53| 148%

LN sau thuế
Q4/25
0.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.87| 866%
YoY: ▲ 2.14| 156%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
0.3%
YoY: +/-▼ 0.5%

ROE
2025
0.8%
YoY: +/-▼ 3.0%

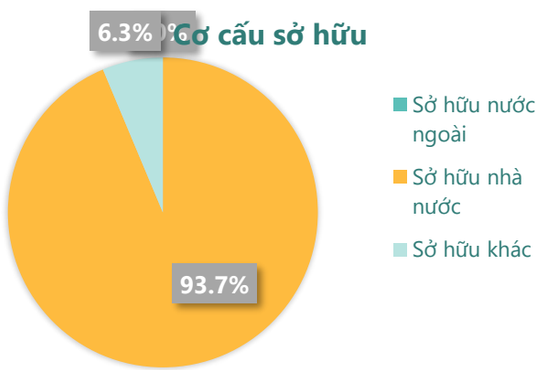
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,600 - 8,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	229
Số lượng CPLH (CP)	50,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	125
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.21
EPS	45
P/E	99.3

DT thuần
2025
5,969
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 631| 11.8%

LN thuần
2025
2.58
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.92| -79.3%

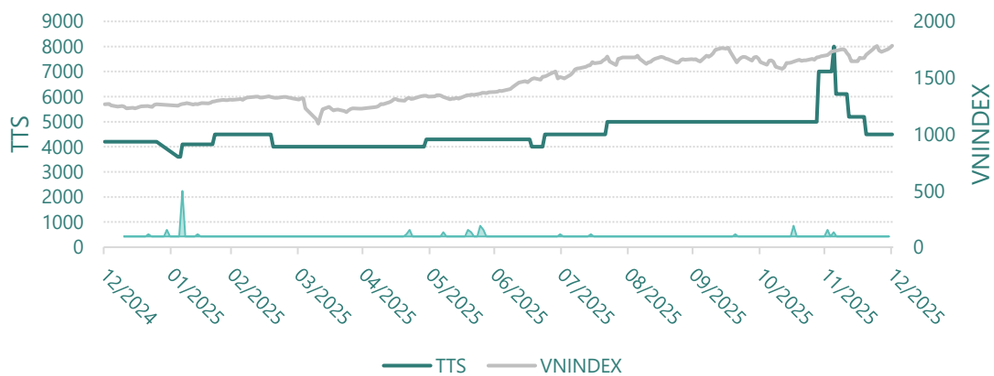
LN sau thuế
2025
2.30
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.90| -79.5%

Cơ cấu sở hữu

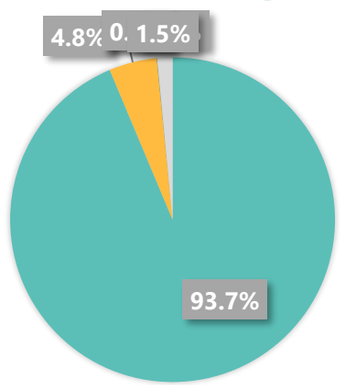


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



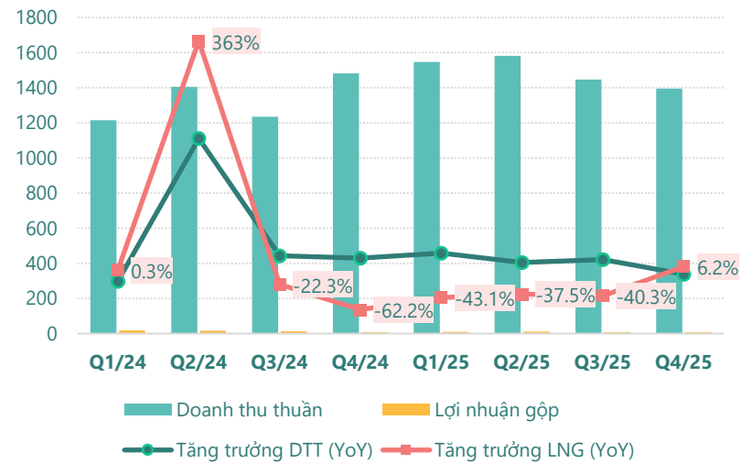
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

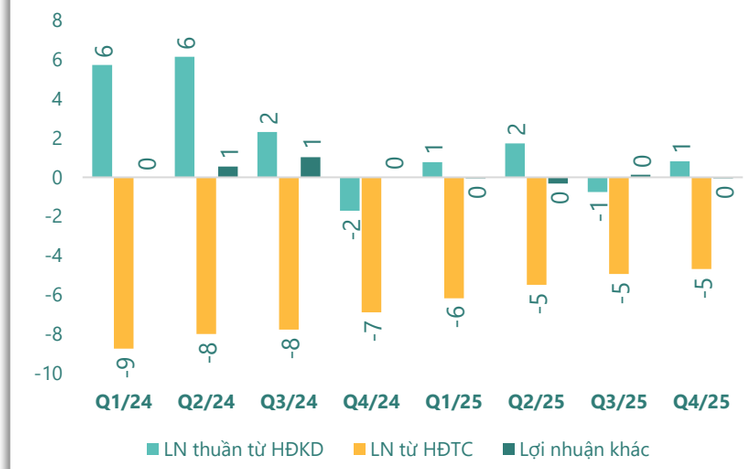
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



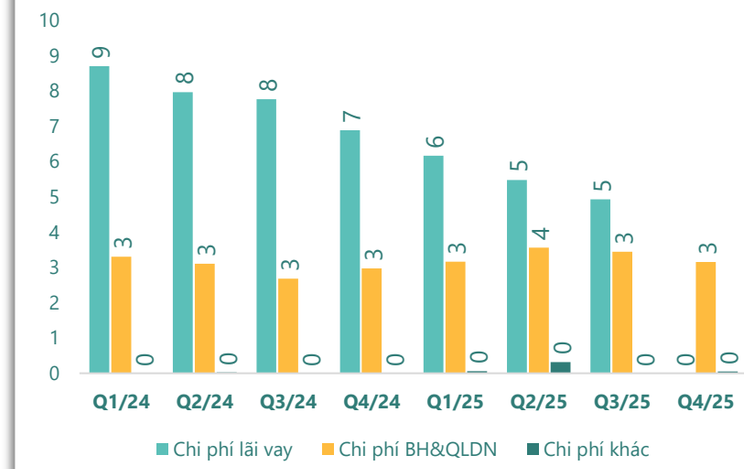
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



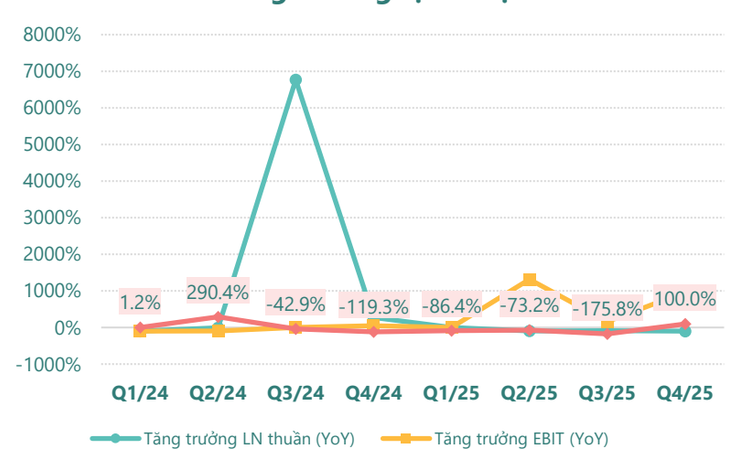
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



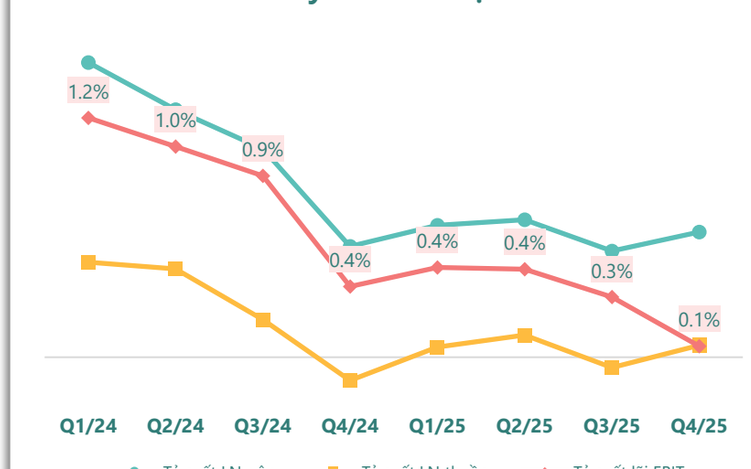
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



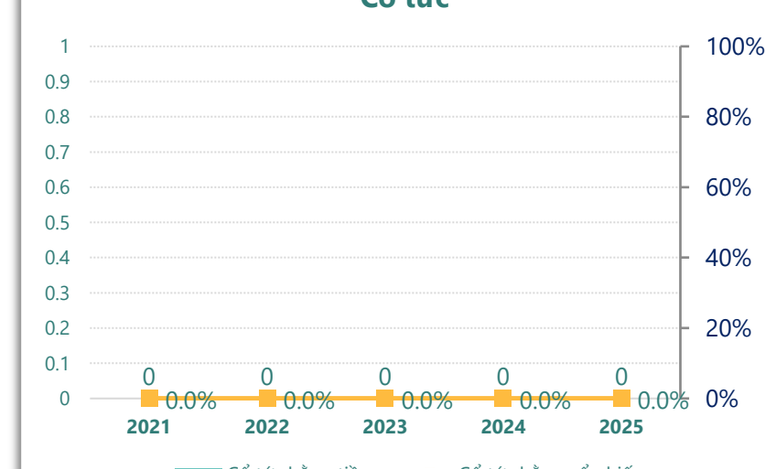
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

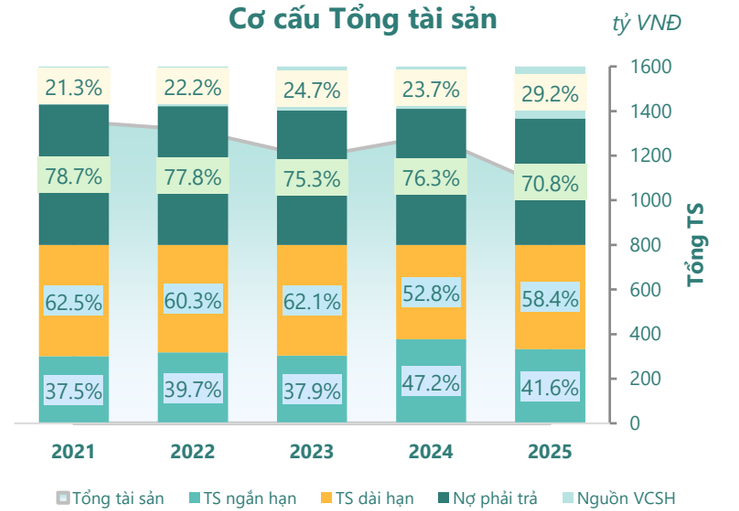
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

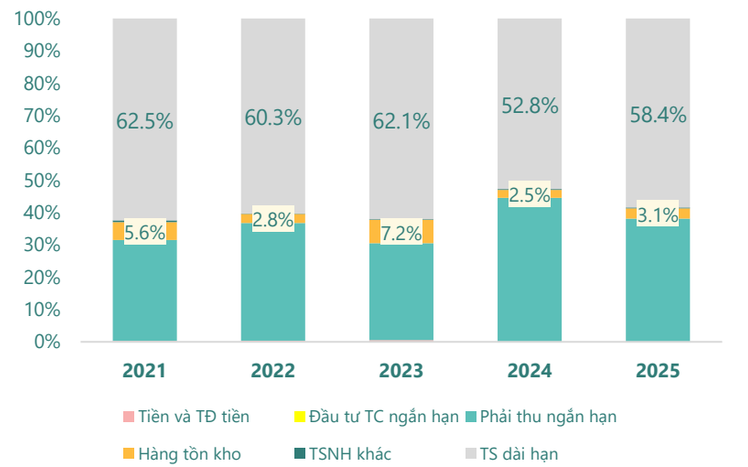
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



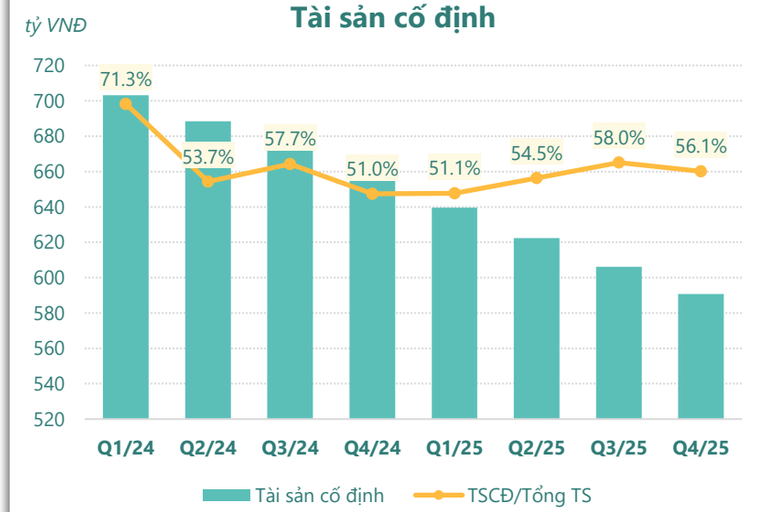
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



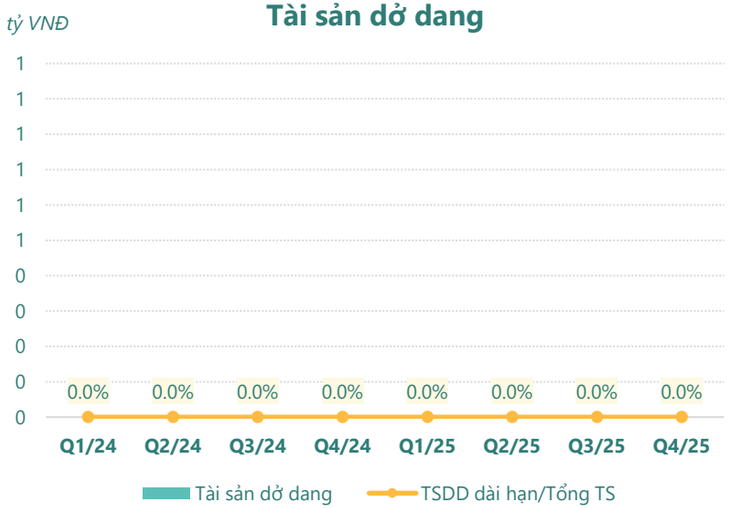
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



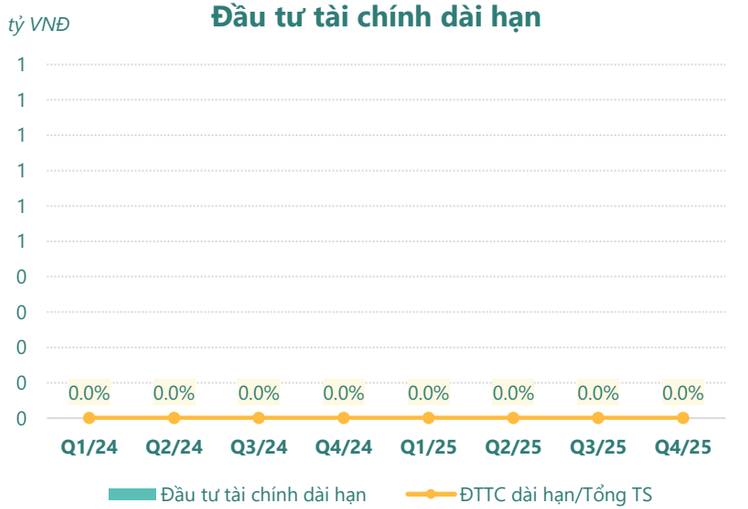
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



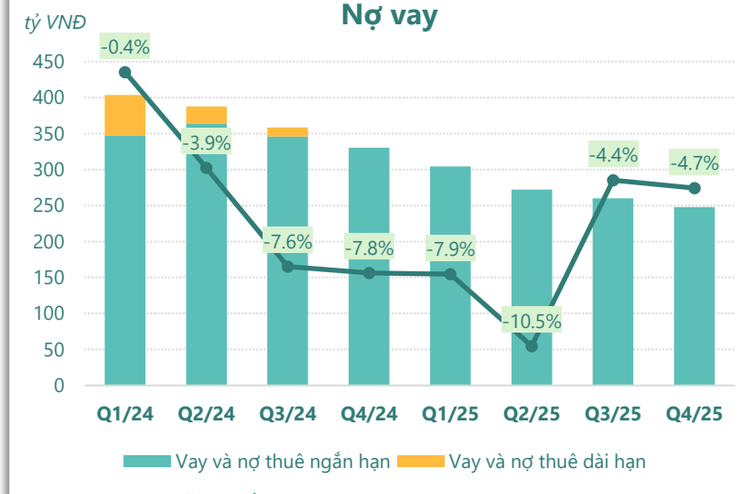
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

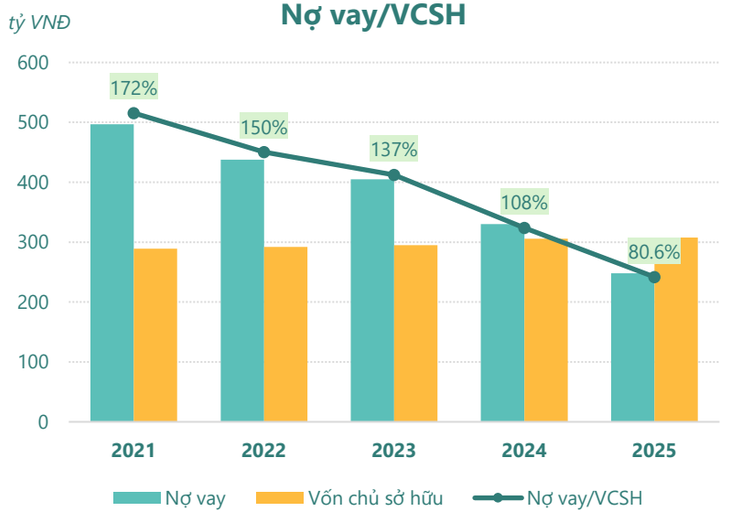
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



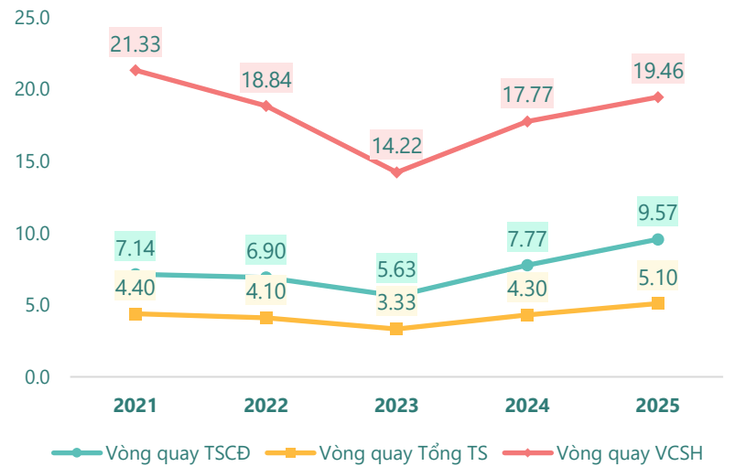
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



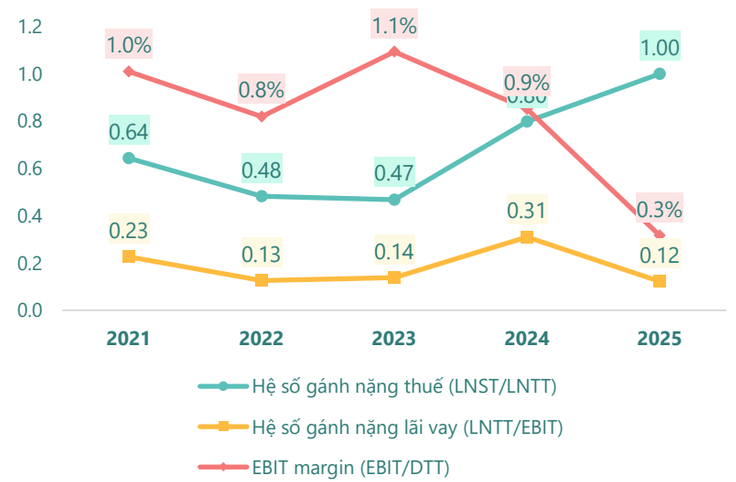
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



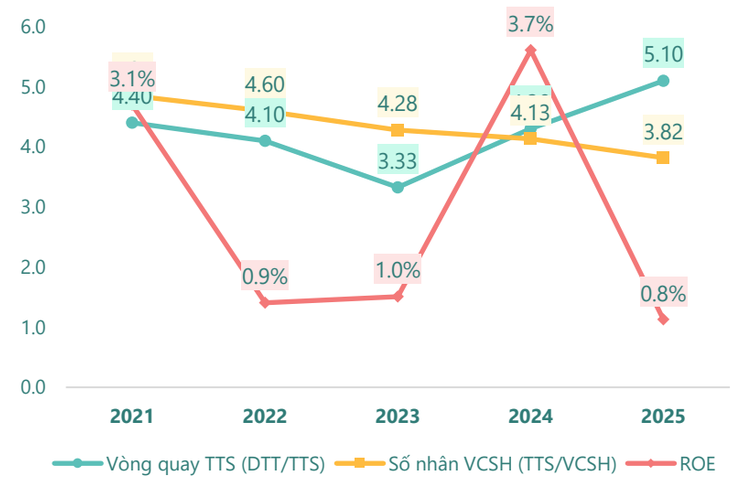
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



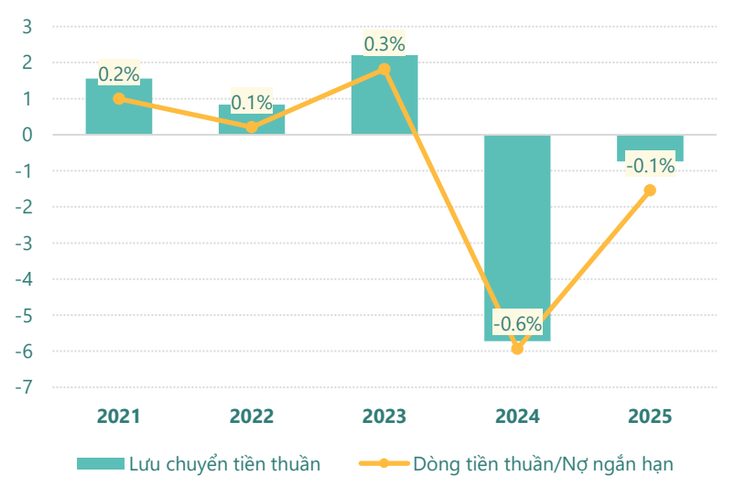
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,394**	**1,482**	**-5.9%**	**5,969**	**5,338**	**11.8%**
Giá vốn hàng bán	1,386	1,474	-6.0%	5,932	5,282	12.3%
Lợi nhuận gộp	8.66	8.15	6.2%	37.2	56.0	-33.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-59.8%
Chi phí TC	4.68	6.89	-32.1%	21.3	31.4	-32.3%
Chi phí lãi vay	0	6.89	-100%	16.6	31.3	-47.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.10	0.06	69.1%	0.30	0.23	30.6%
Chi phí QLDN	**3.05**	**2.92**	**4.6%**	**13.0**	**11.8**	**10.0%**
LN thuần từ HĐKD	0.82	-1.71	148%	2.58	12.5	-79.3%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**0.01**	**-629%**	**-0.28**	**1.59**	**-117%**
LN trước thuế	0.77	-1.70	145%	2.30	14.1	-83.6%
Lợi nhuận sau thuế	**0.77**	**-1.37**	**156%**	**2.30**	**11.2**	**-79.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.77**	**-1.37**	**156%**	**2.30**	**11.2**	**-79.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.0	28.3	25.3	32.9	12.2	12.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	-0.61	0.00	-0.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.4	-28.1	-26.0	-32.1	-11.9	-12.2
Tiền đầu kỳ	2.09	0.64	0.92	0.19	0.44	0.66
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.44**	**0.27**	**-0.73**	**0.25**	**0.22**	**-0.48**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.64	0.92	0.19	0.44	0.66	0.18

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,053**	**1,289**	**-18.3%**
Tài sản ngắn hạn	438	608	-28.0%
Tiền và tương đương tiền	0.18	0.92	-80.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	402	573	-29.9%
Hàng tồn kho	32.9	32.5	1.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.12	2.41	29.4%
Tài sản dài hạn	**616**	**680**	**-9.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	591	657	-10.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**24.8**	**23.5**	**5.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	746	983	-24.1%
Nợ ngắn hạn	**746**	**983**	**-24.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	248	330	-24.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	492	633	-22.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**308**	**306**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**308**	**306**	**0.5%**
Vốn điều lệ	508	508	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)